

Bản án số: 106/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-11-2018

V/v Ly hôn giữa bà M và ông N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tám

2. Bà Đinh Thị Hoàng Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 534/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như M, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Trung N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như M trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Trần Trung N tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 25/02/2002 (Giấy đăng ký số 16, quyển số 01/2002). Vợ chồng chung hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N có tình cảm với người phụ nữ khác và có con riêng. Bà và ông N đã ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông N không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: Bà và ông N có hai con chung tên Trần Nguyễn Tuyết Minh, sinh ngày 30/12/2002 và Trần Minh Thuận, sinh ngày 17/5/2006. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định giữa bà và ông N không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 20/9/2018, bị đơn ông Trần Trung N trình bày: Ông thống nhất toàn bộ nội dung trình bày và yêu cầu của bà M.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà M

Về con chung: Ông thống nhất có hai con chung như lời bà M trình bày. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà M được nuôi hai con, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định giữa ông và bà M không có nợ chung.

Cháu Trần Nguyễn Tuyết Minh và Trần Minh Thuận có ý kiến trong trường hợp ba mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Như M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Trung N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Trung N đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà M và ông N là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay bà M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu ly hôn với ông N. Trước yêu cầu ly hôn của bà M, ông N đồng ý. Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà M và ông N trên thực tế đã không còn tồn tại từ năm 2012 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Bà M và ông N có hai con chung tên Trần Nguyễn Tuyết Minh, sinh ngày 30/12/2002 và Trần Minh Thuận, sinh ngày 17/5/2006. Khi ly hôn, bà M và ông N thống nhất để bà M được nuôi hai con, hơn nữa, nguyện vọng của hai cháu Minh và Thuận là muốn sống với mẹ nên căn

cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao hai cháu Minh và Thuận cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp. Về phần cấp dưỡng nuôi con, do bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà M và ông N thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà M và ông N thống nhất xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Như M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như M về việc "Ly hôn" với ông Trần Trung N.

1. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Như M được ly hôn với ông Trần Trung N.

2. *Về con chung*: Bà M và ông N có hai con chung tên Trần Nguyễn Tuyết Minh, sinh ngày 30/12/2002 và Trần Minh Thuận, sinh ngày 17/5/2006. Khi ly hôn, bà M được nuôi hai cháu Minh và Thuận. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Như M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007021 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Như M đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị Như M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Trung N được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức.
- THA huyện Bến Lức.
- Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Long An.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Tám – Đinh Thị Hoàng Lệ

Cao Thiên Trang

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Phạm Văn Tám**

2. Bà Đinh Thị Hoàng Lệ

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 534/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như Mãi

Bị đơn: Ông Trần Trung Nam

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như Mãi về việc “Ly hôn” với ông Trần Trung Nam.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như Mãi được ly hôn với ông Trần Trung Nam.

2. Về con chung: Bà Mãi và ông Nam có hai con chung tên Trần Nguyễn Tuyết Minh, sinh ngày 30/12/2002 và Trần Minh Thuận, sinh ngày 17/5/2006. Khi ly hôn, bà Mãi được nuôi hai cháu Minh và Thuận. Ông Nam không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Như Mai phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007021 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Như Mai đã nộp đủ án phí.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tám – Đinh Thị Hoàng Lệ

Cao Thiên Trang